

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-07-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN- TỈNH HOÀ BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Lê Thị Hồng.

Hội Thẩm Nhân Dân: ông Bùi Văn Tấn; ông Bùi Văn Quyết

- **Thư ký phiên toà:** ông Bùi Văn Hường- Thư ký Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn - tỉnh Hoà Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà:** bà Bùi Thị Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 07 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hoà Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 49/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/04/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/06/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số: 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27/06/2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1994. Nơi cư trú: xóm Cành 2, xã Vũ Bình, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn M, sinh năm 1981. Nơi cư trú: xóm Cành 2, xã Vũ Bình, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn và các lời khai của mình, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn M kết hôn với nhau tháng 11 năm 2017 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã Bình Chân (nay là xã Vũ Bình). Quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống khiến cuộc sống chung luôn căng thẳng, nặng nề không có hạnh phúc, không còn

tình cảm với nhau. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay không quan tâm đến nhau nên chị T xin ly hôn để yên tâm ổn định cuộc sống.

2. Về con chung: chị T và anh M có 01 con chung là Bùi Quang Minh, sinh ngày 11/08/2016. Do cháu Minh hiện đang sống với chị T, để tạo điều kiện cho việc sinh sống và học tập ổn định của con chung khi ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Minh. Chị T yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung với chị 1.000.000đ/tháng.

3. Về tài sản; công nợ chung: chị T khai không có.

Ngoài ra chị T không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 05/04/2023, bị đơn anh Bùi Văn M trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với chị T về mối quan hệ hôn nhân như chị T trình bày. Tuy nhiên anh không nhất trí ly hôn vì mong muốn gia đình đoàn tụ.

2. Về con chung: Anh M thừa nhận vợ chồng anh có 01 con chung là Bùi Quang Minh, sinh ngày 11/08/2016, hiện cháu Minh đang sống với chị T. Khi ly hôn, anh không đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung với chị T. Anh M có thu nhập khoảng 9.000.000đ đến 10.000.000đ/tháng từ làm ruộng và làm thuê.

3. Về tài sản; công nợ chung: Không có.

Ngoài ra anh M không có ý kiến gì thêm.

Phát biểu quan điểm tại phiên toà, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình công nhận việc chấp hành đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và đương sự từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án. Về việc giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị như sau:

Về tố tụng: Anh M được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng không chấp hành, phiên tòa đã phải hoãn một lần. Chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh M, chị T là có cơ sở theo qui định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T với anh M là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD năm 2014.

Về con chung: Xét yêu cầu của chị T là phù hợp các Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về tài sản; Công nợ chung: chị T, anh M khai nhận không có. Do vậy, đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án.

Ngoài ra không ai có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn và bị đơn anh Bùi Văn M có nơi cư trú tại xóm Cành 2, xã Vũ Bình, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình nên theo qui định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Về việc vắng mặt của chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn M: Anh M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; Chị T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo qui định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh M, chị T theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án HĐXX xét thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh M là hợp pháp. Cuộc sống chung vợ chồng thực sự có mâu thuẫn do bất đồng về phong cách sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân không còn tình cảm và quan tâm đến nhau. Anh M không đến Tòa thể hiện không có thiện chí hòa giải đoàn tụ vợ chồng, từ bỏ quyền trình bày nguyện vọng của anh trước việc chị T xin ly hôn với anh.

Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh M là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD năm 2014.

[3]. Về con chung: chị T và anh M có 01 con chung là Bùi Quang Minh, sinh ngày 11/08/2016. Khi ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị T yêu cầu anh M phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với chị 1.000.000đ/tháng. Anh M không đồng ý giao con cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

[3.1] Về yêu cầu nuôi con: Hội đồng xét xử thấy, hiện cháu Minh đang sống, sinh hoạt và học tập ổn định cùng mẹ từ khi vợ chồng anh M và chị T ly thân; anh

M đi làm xa không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Xét quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, điều kiện thực tế và nguyện vọng của đương sự, áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình thấy cần chấp nhận sự yêu cầu của chị Bùi Thị T về nuôi con chung. Giao chị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Bùi Quang Minh, sinh ngày 11/08/2016 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Sau khi ly hôn, anh M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[3.2] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, chị T yêu cầu anh M phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với chị 1.000.000đ/tháng. Hội đồng xét xử thấy: Nghĩa vụ nuôi con chung là thuộc về cha mẹ, theo lời khai của anh M thì anh M có thu nhập 9.000.000đ đến 10.000.000đ/tháng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình quy định: “cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Mặt khác, hiện nay con chung của anh M, chị T đang ở độ tuổi đi học, để con được học tập và phát triển bình thường cũng như thỏa mãn nhu cầu thiết yếu của con thì yêu cầu của chị T buộc anh M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị với mức cấp dưỡng 1.000.000đồng/01 tháng là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Nên căn cứ khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân gia đình. Do đó, cần Buộc anh M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/01 tháng từ khi xét xử sơ thẩm tháng 7 năm 2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

[4]. Về tài sản; công nợ chung: chị T, anh M khai nhận không có nên HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Bùi Văn M phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị T được ly hôn anh Bùi Văn M.

2. *Về con chung*: Giao con chung là Bùi Quang Minh, sinh ngày 11/08/2016 cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục từ tháng 07/2023 trở đi cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với chị T 1.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn pháp luật vẫn bảo hộ các quyền của cha mẹ với con chưa thành niên (quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở; quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con). Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. *Về án phí*:

- Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004469 ngày 05/04/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, nay chị T không phải nộp án phí nữa.

- Anh Bùi Văn M phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai theo qui định.

5. *Hướng dẫn thi hành án*: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
 - VKSND tỉnh Hòa Bình;
 - VKSND huyện Lạc Sơn;
 - CCTHA huyện Lạc sơn;
 - UBND xã Vũ Bình theo GCNKH số
- 25 ngày 20/07/2017;
- Đương sự;
 - Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng

